|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**Số: 123/BKHCN-TCCBV/v báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2019* |

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quang ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cơ quan Trung ương các tổ chức chính trị, chính trị xã hội;

- Các Đại học quốc gia;

- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước.

Thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập và chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Công văn số 12555/VPCP-KTTH ngày 26/12/2018, Bộ Khoa học và Công nghệ đề nghị các cơ quan báo cáo tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN thuộc quyền quản lý theo quy định tại Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ. Nội dung báo cáo chi tiết theo Đề cương và Biểu mẫu kèm theo Công văn này.

Văn bản trả lời đề nghị gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30/01/2019 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời đề nghị Quý cơ quan gửi file báo cáo vào địa chỉ nthien@most.gov.vn của chị Nguyễn Thị Thúy Hiền, số điện thoại liên hệ: 02435560632.

(Quý cơ quan có thể tải file Đề cương báo cáo và file Biểu mẫu báo cáo tại Trang thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ: https://www.most.gov.vn/)

Trân trọng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** *-* Như trên;- Bộ trưởng (để b/c); - Thứ trưởng Trần Văn Tùng;- Ủy ban thường vụ Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;- Lưu: VT, Vụ TCCB. | KT. BỘ TRƯỞNG**THỨ TRƯỞNG**(đã ký)**Trần Văn Tùng** |

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ/ NGÀNH/ UBND CẤP TỈNH/..... | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc.*…, ngày tháng năm 20…* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ**

**CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP**

**NĂM 2018**

**I. Tình hình chung**

1. Tổng số tổ chức KH&CN công lập thuộc quyền quản lý:…. tổ chức, trong đó đã được phân loại là phê duyệt Phương án tự chủ theo các mức độ:

- Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư….. tổ chức

- Số tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên:….tổ chức

- Số tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên:….tổ chức

- Số tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên:….tổ chức

- Số tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp:….tổ chức

2. Số tổ chức đã chuyển thành công ty cổ phần:….tổ chức

**II. Đánh giá tình hình thực hiện các nội dung tự chủ**

1. Tự chủ về thực hiện nhiệm vụ;

2. Tự chủ về tổ chức bộ máy;

3. Tự chủ về nhân lực;

4. Tự chủ về tài chính;

5. Tự chủ về quản lý, sử dụng tài sản.

**III. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:**

|  |  |
| --- | --- |
| *.* | *......... Ngày.... tháng.... năm.....***THỦ TRƯỞNG** *(Ký tên đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan chủ quản** | **Biểu số 01**  |
| **BIỂU TỔNG HỢP** **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP****NĂM 2018** |

| **TT** | **Tên đơn vị** | **Ngày phê duyệt phương án tự chủ** | **Chi thường xuyên được Nhà nước hỗ trợ****(đồng)** | **Số lượng người làm việc được phê duyệt (người)** | **Nguồn thu sự nghiệp (đồng)** | **Tổng kinh phí chi thường xuyên (đồng)** | **Chênh lệch thu –chi (đồng)** | **Trích quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp (đồng)** | **Trích quỹ thu nhập tăng thêm****(đồng)** | **Trích quỹ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi****(đồng)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| **I** | **Tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Viện…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trung tâm….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Tổ chức tự bảo đảm chi thường xuyên**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Viện…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trung tâm….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III**  | **Tổ chức tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Viện…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trung tâm….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III**  | **Tổ chức do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên**  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Viện…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trung tâm….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Tổ chức được vận dụng cơ chế tài chính như doanh nghiệp** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Viện…. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Trung tâm….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan chủ quản** | **Biểu số 02**  |
| **BIỂU TỔNG HỢP** **KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHUYỂN TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN****NĂM 2018** |

| **TT** | **Tên tổ chức KH&CN trước khi chuyển thành công ty cổ phần** | **Tên công ty cổ phần** | **Ngày phê duyệt phương án chuyển đổi** | **Vốn điều lệ (đồng)** | **Phần vốn góp của Nhà nước trong vốn điều lệ (đồng)**  | **Tổng doanh thu****(đồng)** | **Tổng chi phí****(đồng)** | **Lợi nhuận trước thuế****(đồng)** | **Các khoản nộp ngân sách nhà nước****(đồng)** | **Thu nhập bình quan của người lao động (đồng/tháng)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| A | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 1 | Trung tâm… | Công ty… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Viện…. | Công ty… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | …. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |